

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST  
Ngày 18 - 5 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hữu Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Công Điện, nghề nghiệp: Giáo viên;  
Ông Bùi Văn Phục, nghề nghiệp: Cán bộ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trí- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/HSST-QĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Phi Đan T, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2002; nơi sinh: huyện L, tỉnh H; nơi cư trú: Số 22/7, đường L, khu vực s, phường s, thành phố V, tỉnh H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Bi K và bà Phạm Thị N; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự hay bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 8 năm 2019, đến ngày 10 tháng 11 năm 2019 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay. Có mặt.

**- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:**

1. Phạm Bi K, sinh năm 1969

2. Phạm Thị N, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Số 22/7, đường L, khu vực s, phường s, thành phố V, tỉnh H; là cha, mẹ của bị cáo; cùng có mặt.

**- Đại diện cơ quan, tổ chức nơi bị cáo sinh sống:** Trịnh Thị Như Q, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường s, thành phố V, tỉnh H; có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ngô Nhật L; Trợ giúp viên pháp lý hạng III của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

*Người làm chứng:*

1. Cù Minh Th, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

2. Lê Duy T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

3. Phùng Thị Bích D, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp T, thị trấn R, huyện C, tỉnh H; vắng mặt.

4. Huỳnh Cẩm T2, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

5. Đặng Văn C, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

6. Trần Minh Q, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

7. Võ Hoàng Nh, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp T, thị trấn B, huyện C, tỉnh H; vắng mặt.

8. Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 49K, đường L, phường 7, quận B, thành phố H; vắng mặt.

9. Mai Văn P, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

10. Phạm Văn H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu vực s, phường s, thành phố V, tỉnh H; vắng mặt.

11. Đỗ Văn H1, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp X, xã T, thành phố V, tỉnh H; vắng mặt.

12. Đoàn Xuân N1, sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu vực 2, phường s, thành phố V, tỉnh H; vắng mặt.

13. Phan Tinh E, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh H; vắng mặt.

14. Trần Phước T4, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

15. Nguyễn Văn T5, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 50 phút ngày 03 tháng 8 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Thanh N và bắt giữ hai đối tượng liên quan là Phạm Phi Đan T và Phạm Văn H, riêng Đặng Thanh N và đối tượng tên Đỗ Văn H1 chạy thoát.

Qua khám xét, Cơ quan điều tra Công an thành phố Vị Thanh đã thu giữ vật chứng gồm: 02 bìch ni lông được hàn kín bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong ký hiệu mẫu A; 04 bìch ni lông được hàn kín bên trong có chứa tinh thể chất rắn màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong ký hiệu mẫu B; 01 chứng minh nhân dân tên Phạm Phi Đan Trường; 02 cân điện tử đã qua sử dụng, không xác định nhãn hiệu; 01 cân điện tử hiệu Pocket Scale đã qua sử dụng; 04 cây kéo đã qua sử dụng; 01 bình thủy tinh dùng để sử dụng ma túy; 01 phễu thủy tinh dùng để sử dụng ma túy; 01 cây khò lửa; 100 bìch ni lông dài 25cm, ngang 2cm; 01 keo nhựa bên trong có chứa trà xanh; 01 hộp nhựa màu đồng có nắp màu nâu; 01 cái ví da màu đen (bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân tên Đặng Thanh N, 01 giấy phép lái xe tên Đặng Thanh N, 01 giấy đăng ký xe tên Đặng Văn H, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lư Chí K và 01 bản photo giấy đăng ký xe có công chứng mang tên Nguyễn Hữu L); 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh viền trắng; 01 đồng hồ màu bạc; 743.000đ tiền Việt Nam. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vị Thanh đã chuyển giao các vật chứng trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phụng Hiệp xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định hàm lượng ma túy chứa trong 02 bìch ni lông (ký hiệu mẫu A) và hàm lượng ma túy chứa trong 04 bìch ni lông (ký hiệu mẫu B) được thu giữ trong quá trình bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số 33/KLGD-PC09(Đ4) ngày 07/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hậu Giang kết luận:

1. Phong bì ký hiệu “Mẫu A”: Mẫu tinh thể trong suốt chứa trong 02 bìch ni lông được niêm phong gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng 12,96420 gam, loại Methamphetamine.

2. Phong bì ký hiệu “Mẫu B”: Mẫu tinh thể trong suốt chứa trong 04 bìch ni lông được niêm phong gửi giám định có khối lượng 75,10790 gam. Không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính Phủ.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: Mẫu tinh thể chứa trong phong bì ký hiệu “Mẫu A” còn lại sau giám định có khối lượng: 12,69436 gam, mẫu tinh thể chứa trong phong bì ký hiệu “Mẫu B” còn lại sau giám định có khối lượng: 72,94274 gam và vỏ bao gói được niêm phong.

Quá trình điều tra Phạm Phi Đan T khai nhận: Khoảng tháng 6 năm 2019, T quen biết với Đặng Thanh N thông qua việc chơi đá gà chung, sau đó T thường đến nhà N để giúp N nuôi gà đá và bán ma túy. Các đối tượng nghiện ma túy thường điện thoại cho N và hẹn địa điểm giao ma túy tại nhà của N hoặc theo yêu cầu của các con nghiện, khi các con nghiện đến nhà N mua thì N trực tiếp giao ma túy và lấy tiền hoặc đưa ma túy cho T giao rồi T lấy tiền đưa cho N, nếu giao tại nơi khác thì N trực tiếp giao và nhận tiền. Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2019 đến ngày 03 tháng 8 năm 2019, T đã giúp sức cho N bán ma túy cho các con nghiện 07 lần, cụ thể: Bán cho Huỳnh Cẩm T1 01 lần, Trần Minh Q 05 lần và Đặng Văn C 01 lần, T được N trả công bằng việc cho

tiền 02 lần, mỗi lần 200.000đ và cho sử dụng trái phép chất ma túy 03 lần tại nhà của Nhân.

Đối với Đặng Thanh N, trong quá trình điều tra không thừa nhận thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, theo lời khai của các đối tượng mua ma túy của N và sử dụng ma túy tại nhà của N, đã có đủ cơ sở khẳng định N cùng với T nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho các con nghiện, N đã nhiều lần tổ chức cho các con nghiện sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà, cụ thể:

Đối tượng Cù Minh Th khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 03 năm 2017 đến tháng 8 năm 2019, Th mua ma túy của N 15 lần, mỗi lần mua với giá từ 600.000đ đến 1.000.000đ và do N trực tiếp giao tại nhà; sử dụng ma túy 15 lần tại nhà N cùng một số đối tượng khác không rõ tên, dụng cụ sử dụng ma túy do N cung cấp.

Võ Hoàng Nh khai: Khoảng tháng 12 tháng 2018, Nh mua ma túy của N 05 lần, mỗi lần mua với giá từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ (02 lần tại nhà N, 03 lần tại ấp Thị Tứ, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A), do N trực tiếp giao; cùng với Võ Thị Hồng T2 sử dụng ma túy tại nhà của N 02 lần, dụng cụ sử dụng ma túy do N cung cấp.

Huỳnh Cẩm T2 khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2017 đến ngày 02 tháng 8 năm 2019, T2 đã mua ma túy của N nhiều lần, do N trực tiếp giao tại nhà N, lần cuối cùng mua ma túy của N là ngày 02 tháng 8 năm 2019 do Phạm Phi Đan T giao, theo quy luật cách vài ngày thì T2 mua ma túy của N 01 lần, mỗi lần mua với số tiền từ 200.000đ đến 300.000đ.

Trần Minh Q khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2017 đến ngày 01 tháng 8 năm 2019, Q mua ma túy của N 05 lần đều do T giao tại nhà của N, mỗi lần mua với số tiền từ 200.000đ đến 300.000đ; sử dụng ma túy tại nhà của N 02 lần cùng N và T, dụng cụ sử dụng ma túy do N cung cấp.

Đặng Văn C khai: Trong thời gian từ tháng 01 tháng 2019 đến tháng 7 năm 2019, C mua ma túy của N 15 lần, do N giao 14 lần, T giao 01 lần tại nhà N, mỗi lần mua với số tiền từ 200.000đ đến 300.000đ; sử dụng ma túy tại nhà của N 02 lần, dụng cụ sử dụng ma túy do N cung cấp.

Lê Duy T1 khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019, T1 đi cùng Nguyễn Thị Bích D đến nhà N mua ma túy, do N trực tiếp giao, mỗi lần mua với số tiền từ 500.000đ đến 1.000.000đ; sử dụng ma túy tại nhà của N 06 lần (trong đó: Có 05 lần sử dụng chung với Nguyễn Thị Bích D và Cù Minh Th, 01 lần sử dụng chung với Cù Minh Th), dụng cụ sử dụng ma túy do N cung cấp.

Mai Văn P khai: P mua ma túy của N 02 lần, do N trực tiếp giao, lần 1 vào ngày 26 tháng 7 năm 2019 mua với số tiền 200.000đ, lần 02 vào ngày 29 tháng 7 năm 2019 mua với số tiền 600.000đ.

Phạm Phi Đan T khai: Trong thời gian từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019, T sử dụng ma túy 03 lần tại nhà N, cụ thể: lần 1 vào khoảng tháng 7 năm 2019, sử dụng cùng với N và Trần Minh Q, lần 2 vào ngày 02 tháng 8 năm

2019 sử dụng cùng N, lần 3 vào khoảng 06 giờ ngày 03 tháng 8 năm 2019, sử dụng cùng N, Phạm Văn H và Đỗ Văn H1 thì bị bắt quả tang.

Phạm Văn H khai: Vào sáng ngày 03 tháng 8 năm 2019, N cho ma túy để H sử dụng cùng N, T và H tại nhà của N. Ngoài ra, H khai nhận trước ngày bị bắt khoảng 02 tháng, H còn cùng N sử dụng ma túy 01 lần tại nhà của N.

Đỗ Văn H1 khai: Vào sáng ngày 03 tháng 8 năm 2019, N cho ma túy để H1 sử dụng cùng với N, T và H tại nhà của N.

Đoàn Xuân N1 khai: Vào khoảng tháng 6 năm 2019, N cho N1 ma túy và cùng sử dụng 04 lần tại phần đất N thuê của ông Trần Phước T4.

Phan Tĩnh E khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 8 năm 2019, N nhiều lần cho E ma túy và cùng sử dụng tại phần đất N thuê của ông Trần Phước T4.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS-HPH ngày 19 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã truy tố Đặng Thanh N về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại các điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 và các điểm a, b, c Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố Phạm Phi Đan T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, Đặng Thanh N chết với chẩn đoán do bị suy hô hấp, hen phế quản ác tính do bội nhiễm.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp đình chỉ vụ án đối với Đặng Thanh N và tiếp tục giải quyết vụ án đối với Phạm Phi Đan T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo nội dung của Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

1. Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 90, khoản 4 Điều 98 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 03 tháng tù.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể chứa trong phong bì ký hiệu “Mẫu A” còn lại sau giám định có khối lượng: 12,69436 gam và mẫu tinh thể chứa trong phong bì ký hiệu “Mẫu B” còn lại sau giám định có khối lượng: 72,94274 gam cùng vỏ bao gói được niêm phong, 02 cân điện tử không xác định nhãn hiệu (đã qua sử dụng), 01 cân điện tử hiệu Pocket Scale (đã qua sử dụng), 04 cây kéo (đã qua sử dụng), 01 bình thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, 01 phễu thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, 01 cây khò lửa, 100 bịch ni lông dài 25cm, ngang 2cm, 01 keo nhựa bên trong có chứa trà xanh và 01 hộp nhựa màu đồng có nắp màu nâu. Giao trả cho đại diện hợp pháp của bị can Đặng Thanh Nh là bà Nguyễn Thị Hồng Th 01 cái ví da màu đen (bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân tên

Đặng Thanh N, 01 giấy phép lái xe tên Đặng Thanh N, 01 giấy đăng ký xe tên Đặng Văn H, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lư Chí K và 01 bản photo giấy đăng ký xe có công chứng mang tên Nguyễn Hữu L), 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh viền trắng, 01 đồng hồ màu bạc và 743.000đ tiền Việt Nam. Giao trả cho bị cáo Phạm Phi Đan T 01 chứng minh nhân dân tên Phạm Phi Đan T.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo, thống nhất với lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, do bị cáo là người chưa thành niên, khả năng nhận thức còn hạn chế; hành vi phạm tội của bị cáo có một phần nguyên nhân do gia đình thiếu quan tâm, giáo dục; có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo bằng mức thấp nhất của khung hình phạt mà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai của những người làm chứng Huỳnh Cẩm T1, Trần Minh Q và Đặng Văn C; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Từ đó, đã có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 06 năm 2019 đến ngày 03 tháng 8 năm 2019, bị cáo đã giúp sức cho Đặng Thanh N bán ma túy, được N phân công giao bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy 07 lần và lấy tiền từ các đối tượng này về giao cho Đặng Thanh N, trong đó: Bị cáo đã giao cho Huỳnh Cẩm T1 01 lần, Trần Minh Q 05 lần và Đặng Văn C 01 lần. Đổi lại, bị cáo được N cho tiền 02 lần, mỗi lần 200.000 đồng và cho sử dụng trái phép chất ma túy 03 lần tại nhà của Nhân

Hành vi trên của bị cáo là bán hộ chất ma túy cho Đặng Thanh N để được hưởng tiền công và được N cho hưởng lợi ích khác là sử dụng ma túy; trực tiếp xâm phạm đến chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm

phạm trật tự an toàn xã hội; khi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên nhưng đã từ đủ 16 tuổi trở lên nên đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm; bị cáo đã thực hiện hành vi bán hộ chất ma túy cho người khác 07 lần và bán cho 03 người. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, với các tình tiết định khung là “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với 02 người trở lên”.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ tháng 06 năm 2019 đến ngày 03 tháng 8 năm 2019, bị cáo đã bán hộ chất ma túy cho Đặng Thanh N 07 lần và bán cho 02 người trở lên, đổi lại bị cáo được Đặng Thanh N cho hưởng tiền công và sử dụng ma túy miễn phí. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy, ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, trật tự tại địa phương mà còn gây hệ lụy đến lối sống, sức khỏe của cộng đồng; ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc; là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác; xét tình hình tội phạm về ma túy tại địa phương đang có chiều hướng gia tăng. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần trấn áp tội phạm về ma túy tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự) nên cho bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích về tính chất, mức độ phạm tội; nhân thân của bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu; được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, khả năng nhận thức về tính nguy hiểm cho xã hội do hành vi của mình gây ra còn hạn chế; nguyên nhân phạm tội của bị cáo có một phần do gia đình thiếu sự quan tâm, giáo dục bị cáo. Do đó, cần xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt, đồng thời cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn ba phần tư mức án được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Về vật chứng: Đối với các vật chứng gồm: Mẫu tinh thể chứa trong phong bì ký hiệu “Mẫu A” còn lại sau giám định có khối lượng 12,69436 gam và mẫu tinh thể chứa trong phong bì ký hiệu “Mẫu B” còn lại sau giám định có khối lượng 72,94274 gam cùng vỏ bao gói được niêm phong, 02 cân điện tử không xác định nhãn hiệu (đã qua sử dụng), 01 cân điện tử hiệu Pocket Scale (đã

qua sử dụng), 04 cây kéo (đã qua sử dụng), 01 bình thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, 01 phễu thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, 01 cây khò lửa, 100 bịch ni lông dài 25cm, ngang 2cm, 01 keo nhựa bên trong có chứa trà xanh và 01 hộp nhựa màu đồng có nắp màu nâu là những vật chứng và công cụ phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với các vật chứng gồm: 01 cái ví da màu đen (bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân tên Đặng Thanh N, 01 giấy phép lái xe tên Đặng Thanh N, 01 giấy đăng ký xe tên Đặng Văn H, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lư Chí K và 01 bản photo giấy đăng ký xe có công chứng mang tên Nguyễn Hữu L), 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh viền trắng, 01 đồng hồ màu bạc và 743.000đ tiền Việt Nam là của Đặng Thanh N không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần giao trả lại cho đại diện hợp của Đặng Thanh N là bà Nguyễn Thị Hồng Th. Đối với giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Phi Đan T là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần giao trả cho bị cáo.

[8] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử lý vật chứng cũng như lời đề nghị của người bào chữa về mức hình phạt đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Phi Đan T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 91, khoản 4 Điều 98 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Phi Đan T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 8 năm 2019 đến ngày 10 tháng 11 năm 2019.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể chứa trong phong bì ký hiệu “Mẫu A” còn lại sau giám định có khối lượng 12,69436 gam và mẫu tinh thể chứa trong phong bì ký hiệu “Mẫu B” còn lại sau giám định có khối lượng 72,94274 gam cùng vỏ bao gói được niêm phong, 02 cân điện tử không xác định nhãn hiệu (đã qua sử dụng), 01 cân điện tử hiệu Pocket Scale (đã qua sử dụng), 04 cây kéo (đã qua sử dụng), 01 bình thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, 01 phễu thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, 01 cây khò lửa, 100 bịch ni lông dài 25cm, ngang 2cm, 01 keo nhựa bên trong có chứa trà xanh và 01 hộp nhựa màu đồng có nắp màu nâu.

Giao trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Th: 01 cái ví da màu đen (bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân tên Đặng Thanh N, 01 giấy phép lái xe tên Đặng Thanh N, 01 giấy đăng ký xe tên Đặng Văn H, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lư Chí K và 01 bản photo giấy đăng ký xe có công chứng mang tên Nguyễn Hữu L), 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh viền trắng, 01 đồng hồ màu bạc và 743.000đ (bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền Việt Nam.

Giao trả cho bị cáo Phạm Phi Đan T 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Phi Đan T.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo Phạm Phi Đan T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- CA H.Phụng Hiệp (03 bản: Văn Phòng, CQĐT, THAHS);
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Hữu Thắng**